

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004993 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục là 35,36% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39.717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý 8 người

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Trần Nhật Tân | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/04/2007 |
| • Ông Nguyễn Văn Thuận | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01/10/2005 |
| • Bà Bùi Thị Minh Hiền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 |
| | | Miễn nhiệm ngày 22/06/2009 |
| • Ông Nguyễn Hồng Ánh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|----------------------------|
| • Ông Trần Nhật Tân | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2008 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2008 |
| | | Miễn nhiệm ngày 16/09/2009 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 28/05/2007 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc Giám đốc

Trần Nhật Tân
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Tòa nhà Hoàng Đan, 47-49 Hoàng Sa,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 152 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 20. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phan Xuân Vạn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.902.027.910	19.424.124.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.398.442.499	7.855.961.113
1 Tiền	111		4.398.442.499	7.855.961.113
2 Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.000.000.000	3.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	3.000.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.232.895.584	7.017.282.870
1 Phải thu của khách hàng	131		9.468.059.486	9.638.876.837
2 Trả trước cho người bán	132		1.320.500	41.320.500
3 Các khoản phải thu khác	135	7	10.388.889	-
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(3.246.873.291)	(2.662.914.467)
IV. Hàng tồn kho	140	9	3.267.874.375	1.550.880.467
1 Hàng tồn kho	141		6.492.433.293	3.166.020.226
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.224.558.918)	(1.615.139.759)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.815.452	-
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.815.452	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.016.442.310	1.113.245.006
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		537.642.310	786.245.006
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	537.642.310	786.245.006
- Nguyên giá	222		1.215.217.673	1.154.055.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(677.575.363)	(367.810.443)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	478.800.000	327.000.000
1 Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(155.200.000)	(307.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.918.470.220	20.537.369.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.735.417.225	6.273.497.243
I. Nợ ngắn hạn	310		6.650.417.225	6.208.497.243
1 Phải trả người bán	312		1.652.125.405	2.549.948.945
2 Người mua trả tiền trước	313		18.942.760	191.401.800
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.007.495.019	1.034.180.966
4 Phải trả người lao động	315		3.867.154.438	2.342.165.249
5 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	104.699.603	90.800.283
II. Nợ dài hạn	330		85.000.000	65.000.000
1 Phải trả dài hạn khác	333		85.000.000	65.000.000
2 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.183.052.995	14.263.872.213
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.335.616.468	13.701.271.531
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	10.000.000.000	10.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	14	1.890.000.000	1.890.000.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	417	14	600.414.374	600.414.374
4 Quỹ Dự phòng tài chính	418	14	435.064.254	266.107.925
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14	2.410.137.840	944.749.232
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		847.436.527	562.600.682
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		847.436.527	562.600.682
2 Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.918.470.220	20.537.369.456

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trần Nhật Tân

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B.02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	27.477.833.322	37.640.119.469
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	27.477.833.322	37.640.119.469
4. Giá vốn hàng bán	11	16	18.803.042.632	27.007.996.609
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.674.790.690	10.632.122.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	803.120.145	588.821.058
7. Chi phí tài chính	22	18	(151.800.000)	307.000.000
- Trong đó: Lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		777.203.587	857.484.124
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.262.875.307	6.928.692.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.589.631.941	3.127.767.190
11. Thu nhập khác	31	19	3.005.968.091	337.915.700
12. Chi phí khác	32	20	477.711.692	270.495
13. Lợi nhuận khác	40		2.528.256.399	337.645.205
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21	4.117.888.340	3.465.412.395
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	738.761.758	977.475.795
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.379.126.582	2.487.936.600
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	3.379	2.488

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trần Nhật Tân

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	27.096.989.681	35.919.705.877
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(22.793.926.072)	(23.873.500.725)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.783.355.310)	(4.007.496.070)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(641.475.795)	(839.795.891)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.005.968.091	41.311.650
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(581.746.574)	(874.080.075)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.302.454.021	6.366.144.766
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(61.162.224)	(902.869.000)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	120.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(252.000.000)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	201.189.589	588.821.058
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.859.972.635)	(446.047.942)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(900.000.000)	(2.630.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(900.000.000)	(2.630.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.457.518.614)	3.290.096.824
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.855.961.113	4.565.864.289
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.398.442.499	7.855.961.113

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trần Nhật Tân

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004993 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Tổng Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trong năm 2009, riêng phương tiện vận tải được khấu hao nhanh gấp 2 lần so với mức tối đa quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế, được tạm trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính : 5% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 25% lợi nhuận sau thuế;

Lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ đông sau khi có ý kiến của Đại hội cổ đông

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Riêng quý 4 năm 2008 và năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ
- Thuế suất thuế Giá trị gia tăng: Các loại sách cho Đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Error! Not a valid link.

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Cho NXB Giáo dục Việt Nam vay	6.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	6.000.000.000	3.000.000.000

Cho NXBGD vay theo hợp đồng số 20/HĐVV ngày 16/02/2009 và Phụ lục của hợp đồng số 922/HĐVV ký ngày 23/07/2007. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng tính từ ngày ký và việc gia hạn thêm (nếu có) sẽ được thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng. Lãi suất 10,5%/năm tại thời điểm ký HĐ vay vốn, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo thỏa thuận bằng văn bản của 2 bên.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	10.388.889	-
Cộng	10.388.889	-

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 1 năm	1.232.615.392	615.638.672
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	2.014.257.899	2.047.275.795
Cộng	3.246.873.291	2.662.914.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thành phẩm	6.335.978.585	3.005.651.393
Hàng hóa	156.454.708	160.368.833
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.224.558.918)	(1.615.139.759)
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.267.874.375	1.550.880.467

10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.009.219.000	144.836.449	1.154.055.449
Mua sắm trong năm		61.162.224	61.162.224
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	205.998.673	1.215.217.673
Khấu hao			
Số đầu năm	222.973.994	144.836.449	367.810.443
Khấu hao trong năm	309.764.920	-	309.764.920
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	532.738.914	144.836.449	677.575.363
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	786.245.006	-	786.245.006
Số cuối năm	476.480.086	61.162.224	537.642.310

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 251.186.449 đồng.

11. Đầu tư dài hạn khác

Error! Not a valid link.

- (*) Tại ngày 31/12/2009 Công ty đang đầu tư 38.000 cổ phiếu của công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC.

Trang 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 31/12/2009 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đã đầu tư.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Error! Not a valid link.

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Error! Not a valid link.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2008	10.000.000.000	1.890.000.000	930.414.374	141.711.095	1.503.193.612
Tăng trong năm	-	-	-	124.396.830	2.487.936.600
Giảm trong năm	-	-	330.000.000	-	3.046.380.980
Số dư tại 31/12/2008	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	266.107.925	944.749.232
Số dư tại 01/01/2009	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	266.107.925	944.749.232
Tăng trong năm	-	-	-	168.956.329	3.379.126.582
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.913.737.974
Số dư tại 31/12/2009	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	435.064.254	2.410.137.840

Trang 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vốn đầu tư của Nhà xuất bản giáo dục	3.536.000.000	5.100.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.464.000.000	4.900.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2009 Cổ phiếu	31/12/2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	944.749.232	1.503.193.612
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.379.126.582	2.487.936.600
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	1.913.737.974	3.046.380.980
Trích quỹ dự phòng tài chính	168.956.329	124.396.830
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	844.781.645	621.984.150
Chia cổ tức	900.000.000	2.300.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.410.137.840	944.749.232

Trang 15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng	27.477.833.322	37.640.119.469
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	27.477.833.322	37.640.119.469

16. Giá vốn hàng bán

Error! Not a valid link.

17. Doanh thu hoạt động tài chính

Error! Not a valid link.

18. Hoàn nhập các khoản đầu tư

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(151.800.000)	307.000.000
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	(151.800.000)	307.000.000

Trang 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19.Thu nhập khác

Error! Not a valid link.

20.Chi phí khác

Error! Not a valid link.

21.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.117.888.340	3.465.412.395
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	103.607.419	114.401.451
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>160.607.419</i>	<i>138.401.451</i>
<i>Điều chỉnh giảm (cổ tức)</i>	<i>57.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	4.221.495.759	3.579.813.846
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.055.373.940	1.002.347.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (@)	316.612.182	24.872.082
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	738.761.758	977.475.795
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.379.126.582	2.487.936.600

@ Thuế Thu nhập doanh nghiệp giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Trang 17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.379.126.582	2.487.936.600
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.379.126.582	2.487.936.600
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.379	2.488

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty cổ phần Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách TB TH Tp HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách TBGD Nam Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP in Diên Hồng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP in SGK tại Tp Hà nội	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
--------------------------	---------------------------	----------------

VND

Bán hàng

Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Cung ứng sách giáo khoa	1.572.352.200
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách giáo khoa	417.179.700
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Cung ứng sách giáo khoa	1.395.760.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội	Cung ứng sách ĐH – DN	1.338.296.880
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách ĐH – DN	544.316.420
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Cung ứng sách ĐH – DN	3.964.146.398
Công ty cổ phần Học Liệu	Cung ứng sách ĐH – DN	575.386.256
Công ty CP sách TB TH Tp HCM	Cung ứng sách ĐH – DN	206.054.105
Công ty CP sách TBGD Nam Định	Cung ứng sách ĐH – DN	475.130.150

Mua hàng

NXB Giáo dục VN	Mua tem chống giả, tiền thuê nhà	422.614.567
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua mua sách tham khảo	114.294.700
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội	Mua mua sách tham khảo	46.670.520
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua mua sách tham khảo	55.406.998
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Mua mua sách tham khảo	147.950.620
Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà nội	Mua bán thảo sách ĐH - DN	663.955.833
Công ty CP in Diên Hồng	Tiền in sách ĐH- DN	1.041.439.972
Công ty CP in SGK tại Tp Hà nội	Tiền in sách ĐH- DN	2.009.392.585

Đầu tư tài chính ngắn hạn

NXB Giáo dục VN	Cho vay vốn	3.000.000.000
	Thu nhập từ lãi cho vay	591.541.667

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2009 :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Nợ gốc	6.000.000.000	
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Lãi vay	168.927.100	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phải thu khách hàng	499.327.200	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM	Phải thu khách hàng	400.802.000	
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội	Phải trả người bán	397.219.110	
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Phải thu khách hàng	1.555.990.914	
Công ty cổ ph ần Học Liệu	Phải thu khách hàng	691.457.897	
Công ty CP sách TB TH Tp HCM	Phải thu khách hàng	12.957.501	
Công ty CP sách TBGD Nam Định	Phải thu khách hàng	26.129.706	
Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán		400.000.000
Công ty CP in Diên Hồng	Phải trả người bán		100.000.000
Công ty CP in SGK tại Tp Hà nội	Phải trả người bán		100.000.000
Cộng		9.752.829.428	600.000.000

Trang 19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24.Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trần Nhật Tân

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010